TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số 115/2020/DS-PT
Ngày 18/9/2020
Vụ án:"T/c về thừa kế tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

Các Thẩm phán: Bà Trương Thị Liên

Ông Nguyễn Văn Hải

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Trương Vũ Linh–Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa*: Ông Lâm Thành Them – Kiểm sát viên.

Từ ngày 15 - 18 tháng 9 năm 2020, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 242/2018/TLPT-DS ngày 21 tháng 12 năm 2018 về "Tranh chấp về thừa kế tài sản" do Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2018/DSST ngày 13/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2020/QĐXXPT-DS ngày 01 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ông Dương Văn K**, sinh năm 1947

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị A, sinh năm 1952

Cùng cư trú số 193, tổ 5, ấp Thới Hưng, xã G, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: **Ông Dương Văn Q** (chết ngày 18/7/2014).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: ông Dương Văn ng, sinh năm 1973.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Huỳnh Thị F (Mười), sinh năm 1974

Cùng cư trú số 191, tổ 5, ấp Thới Hưng, xã G, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà D, sinh năm 1936

Người đại diện theo ủy quyền: bà Dương Thị X, sinh năm 1980

Cùng cư trú số 189, tổ 5, ấp Thới Hưng, xã G, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

2. Người thừa kế theo pháp luật của ông Dương Ngọc N (chết năm 2007): vợ là bà H (sinh năm 1929) và các con là ông L (sinh năm 1953), bà Đ (sinh năm 1955), ông Q (sinh năm 1959), ông V (sinh năm 1961), ông G (sinh năm 1970), ông A (sinh năm 1972), ông Z – tên gọi khác là Đắc (sinh năm 1977) cùng cư trú tổ 01, khu vực Bình Yên, phường Long Hòa, quận M, thành phố Cần Thơ; người thừa kế thế vị của bà Dương Xuân Hoa là bà Võ Thị Thu, bà Võ Thị Lệ Thi (sinh năm 1979), ông Võ Phát Đạt (sinh năm 1984) cùng cư trú ấp Thới An, xã G, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

3. Bà U, sinh năm 1947; cư trú số 175, tổ 5, ấp Thới Hưng, xã G, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

4. Ông B, sinh năm 1956

5. Bà Dương Thị Mười Một, sinh năm 1966

Cùng cư trú tổ 5, ấp Thới Hưng, xã G, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

6. Ông Dương Văn X, sinh năm 1973 và bà Huỳnh Thị F (Mười), sinh năm 1974; cùng cư trú số 191, tổ 5, ấp Thới Hưng, xã G, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

7. Ông I, sinh năm 1963; cư trú số 223, tổ 5, ấp Thới Hưng, xã G, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

8. Người thừa kế theo pháp luật của ông E (chết ngày 02/02/2009): vợ là bà Huỳnh Thị Để (sinh năm 1963) và các con là bà Nguyễn Thị J (sinh năm 1979), bà k (sinh năm 1984), bà P (sinh năm 1987); cùng cư trú tổ 5, ấp Thới Hưng, xã G, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ. Bà T, sinh năm 1982; cư trú ấp Hưng Phát, xã Đ, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

9. Trần V, sinh năm 1952; cư trú số 185, tổ 5, ấp Thới Hưng, xã G, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

10. Bà Nguyễn T, sinh năm1973; cư trú ấp Mỹ Yên, xã N, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Phần trình bày của nguyên đơn theo đơn khởi kiện ngày 12/4/2005, 23/5/2008 và trong quá trình tố tụng như sau:

Nguyên đơn yêu cầu chia tài sản thừa kế theo pháp luật của cha mẹ là cụ ông NN (Dương Văn Của, Bảy Của), chết năm 1994 và cụ bà H, chết năm 2009.

Tài sản yêu cầu chia thừa kế là quyền sử dụng đất có diện tích 13.471m^2 gồm 06 (sáu) thửa đất: thửa đất số150 (có diện tích 221m^2, loại đất thổ cư), thửa đất số 151 (có diện tích 5.438m^2, loại đất trồng cây lâu năm), thửa đất số 162 (có diện tích 1.672m^2, loại đất ruộng), thửa đất số 163 (có diện tích 1.672m^2, loại đất ruộng), thửa đất số 164 (có diện tích 3.008m^2, loại đất ruộng), thửa đất số 277 (có diện tích 460m^2, loại đất ruộng) đều thuộc tờ bản đồ số 07, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00996 do Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ, tỉnh Cần

Thơ cấp ngày 18/7/1995. Qua đo đạc hiện trạng, diện tích có thay đổi giảm còn 9.624m^2 (trong đó loại đất thổ cư là 221m^2, loại đất trồng cây lâu năm là 3.219m^2, loại đất lúa là 6.184m^2).

Cụ ông NNcó hai người vợ là cụ bà Nguyễn Thị Giang (chết năm 1990) và cụ bà H (chết năm 2009). Giữa cụ ông NN và cụ bà Nguyễn Thị Giang có 02 (hai) người con chung là bà D và ông Dương Ngọc N (chết năm 2007). Giữa cụ ông NN và cụ bà H có 05 (năm) người con chung là bà U, ông Dương Văn K, ông Dương Văn Q (chết năm 2014), ông B và bà Dương Thị Mười Một.

Phần trình bày ý kiến của bị đơn ông Dương Văn Q (tại bản tự khai và biên bản hòa giải - khi còn sống), người đại diện theo ủy quyền của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn:

Ngày 12/4/2005, nguyên đơn ông Dương Văn K có yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản thừa kế đối với bị đơn là ông Dương Văn Q. Tuy nhiên, khi Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ chưa giải quyết xong vụ án thì bị đơn ông Dương Văn Q chết. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn thống nhất phần trình bày của nguyên đơn về người để lại tài sản thừa kế, tài sản thừa kế và người được chia thừa kế.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn đồng ý chia tài sản thừa kế cho những người được chia tài sản thừa kế thep quy định pháp luật.

Phần trình bày của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà D: yêu cầu chia tài sản thừa kế của cụ ông NN – là ba ruột của bà theo diện tích đo đạcthực tế là 9.624m^2 (trong đó loại đất thổ cư là 221m^2, loại đất trồng cây lâu năm là 3.219m^2, loại đất lúa là 6.184m^2).

Những người thừa kế theo pháp luật của ông Dương Ngọc N (chết năm 2007): thống nhất nhường quyền hưởng tài sản thừa kế cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn là ông Dương Văn X.

Bà U, ông B, bà Dương Thị Mười Một: thống nhất phần trình bày của nguyên đơn về người để lại tài sản thừa kế và tài sản thừa kế. Khi cụ bà H chết, các anh chị em của bà thống nhất cố 01 (một) công đất cho bà Nguyễn Thùy Trang lấy 05 chỉ vàng 24K để làm đám tang và xây nhà mồ cho cụ ông NN và cụ bà H. Nay, các ông bà đều thống nhất nhường quyền hưởng tài sản thừa kế cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn là ông Dương Văn X.

Phần yêu cầu độc lập của ông Dương Văn X và bà Huỳnh Thị F theo đơn yêu cầu độc lập ngày 02/4/2014: vào năm 2000, cụ bà H – là bà nội của ông X – có cho vợ chồng ông phần đất có diện tích là 1.582m^2 (gồm 1.342m^2 loại đất trồng cây lâu năm và 240m^2 loại đất thổ cư). Nay, ông bà yêu cầu được công nhận phần đất được tặng cho trên.

Phần yêu cầu độc lập của ông I theo đơn yêu cầu độc lập ngày 08/6/2014: vào ngày 22/11/2004, cụ bà H có chuyển nhượng cho ông phần đất có diện tích 1.382m^2 với giá chuyển nhượng là 26 chỉ vàng 24K. Ông đã trực tiếp canh tác phần đất chuyển nhượng từ ngày nhận chuyển nhượng. Nay, ông yêu cầu được

công nhận hợp đồng chuyển nhượng trên để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Phần yêu cầu độc lập của những người thừa kế theo pháp luật của ông E (chết ngày 02/02/2009) theo đơn yêu cầu độc lập ngày 20/12/2015: vào ngày 29/6/2007, cụ bà H có chuyển nhượng cho ông Vinh phần đất có diện tích 227m^2 với giá chuyển nhượng là 11.500.000 đồng (mười một triệu năm trăm ngàn đồng). Ông Vinh đã xây nhà ở ổn định từ ngày nhận chuyển nhượng. Nay, những người thừa kế theo pháp luật của ông Vinh yêu cầu được công nhận hợp đồng chuyển nhượng trên để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Phần yêu cầu độc lập của ông TT theo đơn yêu cầu độc lập ngày 29/4/2014: vào ngày 05/4/2008, cụ bà H có chuyển nhượng cho ông phần đất có diện tích 178m^2 với giá chuyển nhượng là 6.300.000 đồng (sáu triệu ba trăm ngàn đồng). Ông đã trực tiếp canh tác phần đất chuyển nhượng từ ngày nhận chuyển nhượng. Ông đã xây nhà ở ổn định nên yêu cầu được công nhận hợp đồng chuyển nhượng trên để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà Nguyễn Thùy Trang: bà thống nhất phần trình bày của bà U, ông B, bà Dương Thị Mười Một. Bà yêu cầu những người được chia tài sản thừa kế của cụ ông NN và cụ bà H trả lại cho bà 05 (năm) chỉ vàng 24K.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2018/DSST ngày 13/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ đã tuyên:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông I, người thừa kế theo pháp luật của ông E, ông TT.

Ông Dương Văn K được quyền sử dụng đất có diện tích 983m^2, loại đất lúa, thuộc một phần thửa 164 – ngang giáp kinh thủy lợi 18,2m, kéo dài giáp thửa 134 là 52,4m.

Ông Dương Văn X được quyền sử dụng đất có diện tích 3.819m^2, loại đất lúa, thuộc thửa 162, 277, một phần thửa 163 và một phần còn lại của thửa 164; được quyền sử dụng đất có diện tích 2,207m^2, loại đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa 151; được quyền sử dụng đất có diện tích 240m^2 thuộc thửa 150B (trong đó có 221m^2 loại đất ở).

Ông B được quyền sử dụng đất có diện tích 588m^2, loại đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa 151A.

Ông I được quyền sử dụng đất có diện tích 1.382m^2, loại đất lúa, thuộc một phần thửa 163 – ngang giáp kinh thủy lợi 19,7m, kéo dài giáp thửa 135, 136 là 81,5m.

Người thừa kế theo pháp luật của ông E (chết ngày 02/02/2009): bà Huỳnh Thị Để, bà Nguyễn Thị J, bà Nguyễn Thị Hồng Cẩm, bà Nguyễn Thị Cẩm Nhung; bà Nguyễn Thị Hồng Gấm được quyền sử dụng đất có diện tích 227m^2, loại đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa 150A.

Ông TT được quyền sử dụng đất có diện tích 178m^2, loại đất trồng cây lâu năm, thuộc một phần thửa 150.

Các phần đất nêu trên tọa lạc tại ấp Thới Hưng, xã G, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00996 do Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ cấp ngày 18/7/1995. Kèm theo hồ sơ trích đo địa chính số 776, 777, 778/10/VP.ĐKQSDĐ ngày 17/5/2010 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

Cây trồng trên đất được chia cùng với phần quyền sử dụng đất được chia tương ứng cho người được chia tài sản thừa kế.

Ông Dương Văn K có nghĩa vụ giao lại cho ông Dương Văn X số tiền là 1.858.000 đồng (một triệu tám trăm năm mươi tám ngàn đồng).

Ông Dương Văn X có nghĩa vụ giao lại cho bà D số tiền 58.020.000 đồng (năm mươi tám triệu không trăm hai mươi ngàn đồng).

Bà D, ông Dương Văn K, ông B có nghĩa vụ trả 0,5 chỉ vàng 24K; ông Dương Văn X có nghĩa vụ trả 3,5 chỉ vàng 24K cho bà Nguyễn Thùy Trang. Bà Trang giao lại phần đất cầm cố cho ông Dương Văn X.

Ngày 22/3/2018, nguyên đơn ông Dương Văn K kháng cáo với nội dung: yêu cầu chia lại tài sản thừa kế của cụ ông NN và cụ bà H theo đúng quy định pháp luật.

Ngày 26/3/2018, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Dương Văn Q kháng cáo yêu cầu được chia hết thửa đất 164 và không đồng ý hoàn lại giá trị quyền sử dụng đất cho bà D tương đương số tiền là 58.020.000 đồng.

Ngày 28/3/2018, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà D kháng cáo không đồng ý hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Trang số vàng là 0,5 chỉ vàng 24K.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phần phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Về thủ tục: Hội đồng xét xử và các đương sự chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Các đương sự đều thống nhất di sản của cụ ông NN và cụ bà H là 06 (sáu) thửa đất 150, 151, 162, 163, 164, 277 qua đo đạc thực tế có diện tích là 9.624m^2 (gồm 6.184m^2 đất lúa, 3.219m^2 đất trồng cây lâu năm, 221m^2 đất thổ cư).

Khi còn sống, cụông NN có tặng cho ông B phần đất có diện tích 588m^2 - trên phần đất này có giành một phần diện tích 165,1m^2 làm đất mộ họ tộc nên diện tích đất trồng cây lâu năm còn lại là 2.465,9m^2. Cụ ông NN chết năm 1994 nên căn cứ vào Điều 17 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 thì cụ bà H

được chia ½ khối di sản cụ thể là 3.092m^2 đất lúa, 1.233m^2 đất trồng cây lâu năm, 110,5m^2 đất thổ cư.

Khi còn sống, cụ bà H có tặng cho ông Dương Văn X phần đất có diện tích 1.342m^2 đất lúa và 240m^2 đất trồng cây lâu năm; chuyển nhượng cho ông I 1.382m^2 đất trồng lúa, chuyển nhượng cho ông E 227m^2 đất trồng cây lâu năm, chuyển nhượng cho ông TT 178m^2 đất trồng cây lâu năm. Việc chuyển nhượng là ý chí tự nguyện của cụ bà H và trong phần di sản của cụ ông nên ghi nhận.

Hàng thừa kế thứ nhất của cụ ông NN gồm: vợ là cụ bà H, các con là bà D, vợ và con của ông Dương Ngọc N (chết năm 2007), bà U, ông Dương Văn K, ông Dương Văn Q (chết năm 2014), ông B, bà Dương Thị Mười Một.

Hàng thừa kế thứ nhất của cụ bà H gồm: bà U, ông Dương Văn K, ông Dương Văn Q (chết năm 2014), ông B, bà Dương Thị Mười Một.

Do những người thừa kế của ông Dương Ngọc N, bà U, ông B, bà Dương Thị Mười Một nhường quyền hưởng thừa kế cho ông Dương Văn Q nên người thừa kế duy nhất của ông Q là Dương Văn X sẽ nhận.

Như vậy, chỉ còn 03 (ba) người được chia tài sản thừa kế là bà D, ông Dương Văn K và ông Dương Văn X cụ thể như sau:

Bà D được chia quyền sử dụng đất có diện tích 554,3m^2 gồm 386,5m^2 đất lúa, 154m^2 đất trồng cây lâu năm và 13,8m^2 đất thổ cư;

Ông Dương Văn K được chia quyền sử dụng đất có diện tích 878,5m2 gồm 537,4m2 đất lúa, 302,4m2 đất trồng cây lâu năm và 38,7m2 đất thổ cư;

Ông Dương Văn X quyền sử dụng đất có diện tích 4.068,3m^2 gồm 2.536,1m^2 đất lúa, 1.363,6m^2 đất trồng cây lâu năm và 168,6m^2 đất thổ cư.

Những người thừa kế cố đất để lấy 05 chỉ vàng làm mồ mả ông bà nên những người được hưởng thừa kế phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thùy Trang là đúng. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm buộc bà D trả cho bà Trang 0,5 chỉ vàng là không đúng vì bà Ba không được chia thừa kế của cụ bà H.

Ngoài ra, ông Dương Văn X đã được cụ bà H tặng cho quyền sử dụng đất rồi nhưng lại được chia thêm một phần thừa kế là chưa đảm bảo quyền lợi cho các đồng thừa kế khác.

Bà D, ông Dương Văn K, ông B thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật:

Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 12/4/2015, đơn khởi kiện bổ sung ngày 23/5/2018 và đơn yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên

quan xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại theo quy định tại khoản 5 Điều 26, khoản 9 Điều 27 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về xác định tư cách tham gia tố tụng:

Nguyên đơn ông Dương Văn K làm đơn khởi kiện vụ án tranh chấp tài sản thừa kế vào ngày 12/4/2005 với bị đơn là ông Dương Văn Q, Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ thụ lý vụ án (lần đầu) vào ngày 25/5/2009. Trong quá trình giải quyết vụ án thì bị đơn ông Dương Văn Q chết (ông Q chết ngày 18/7/2014) nhưng vụ án vẫn chưa được giải quyết bằng bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật và đã xác định được người thừa kế duy nhất của bị đơn là ông Dương Văn X thì chỉ đưa ông X vào tham gia tố tụng với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Dương Văn Q theo quy định tại khoản 1 Điều 74 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét các yêu cầu kháng cáo:

[3.1] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Dương Văn K về việc chia lại tài sản thừa kế theo pháp luật cho đúng quy định pháp luật:

Các đương sự đều thống nhất cụ ông NN (Dương Văn Của, Bảy Của) chết năm 1990 và cụ bà H chết năm 2009 có chung khối di sản là quyền sử dụng đất tại 06 (sáu) thửa đất là 150, 151, 162, 163, 164, 277 đều thuộc tờ bản đồ số 07, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00996 do Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ cấp ngày 18/7/1995 – đất tọa lạc tại ấp Thới Hưng, xã G, thành phố Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ – nay là ấp Thới Hưng, xã G, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ. Tổng diện tích 06 (sáu) thửa đất trên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 13.471m^2. Tuy nhiên, qua đo đạc hiện trạng, diện tích quyền sử dụng đất có thay đổi giảm chỉ còn 9.624m^2 (trong đó loại đất thổ cư là 221m^2, loại đất trồng cây lâu năm là 3.219m^2, loại đất lúa là 6.184m^2). Phần diện tích quyền sử dụng đất thay đổi giảm là do một phần bị Nhà nước thu hồi đất khi làm lộ nông thôn và một phần sạt lở tự nhiên theo thủy triều và phần lớn là do khi cấp giấy đã cấp nhiều hơn diện tích thực (khi cụ ông còn sống có khiếu nại về việc này).

Khi cụ ông NN còn sống có tặng cho ông B 554,3m^2 (có 13,8m^2 loại đất thổ cư, 154m^2 loại đất trồng cây lâu năm, 386,5m^2 loại đất lúa) và 165,1m^2 (loại đất vườn) dùng để làm đất mộ của họ tộc. Như vậy, diện tích quyền sử dụng đất là tài sản thừa kế được xác định là 8.870,9m^2 (trong đó loại đất thổ cư là 221m^2, loại đất trồng cây lâu năm là 2.465,9m^2, loại đất lúa là 6.184m^2). Quyền sử dụng đất là tài sản thừa kế - là tài sản chung hợp nhất của cụ ông NN và cụ bà H - nên khi cụ ông chết (ngày 04/10/1994) thì khối tài sản chung hợp nhất này được tách làm 02 (hai) phần bằng nhau. ½ của khối di sản là của cụ ông NN, ½ khối di sản là của cụ bà H tương ứng phần của mỗi người là 4.435,45m^2 (trong đó loại đất thổ cư là 110,5m^2, loại đất trồng cây lâu năm là 1.232,95m^2, loại đất lúa là 3.092m^2)

Cụ ông NN (Dương Văn Của, Bảy Của) có 02 (hai) người vợ là cụ bà Nguyễn Thị Giang (chết năm 1990) và cụ bà H (chết năm 2009). Giữa cụ ông NN với cụ bà Nguyễn Thị Giang có 02 (hai) người con chung là bà D và ông Dương Ngọc N (chết năm 2007). Giữa cụ ông NN với cụ bà H có 05 (năm) người con chung là bà U, ông Dương Văn K, ông Dương Văn Q (chết năm 2014), ông B và bà Dương Thị Mười Một.

Những ngườithừa kế theo pháp luật của cụ ông NN gồm vợ là cụ bà H, các con là bà D, vợ và con của ông Dương Ngọc N (chết năm 2007), bà U, ông Dương Văn K, ông Dương Văn Q (chết năm 2014), ông B, bà Dương Thị Mười Một được chia mỗi phần thừa kế là 554,3m^2 (có 13,8m^2 loại đất thổ cư, 154 m^2 loại đất trồng cây lâu năm, 386,5m^2 loại đất lúa). Do vợ và con của ông Dương Ngọc N (chết năm 2007), bà U, ông B, bà Dương Thị Mười Một nhường quyền hưởng di sản cho bị đơn nên người thừa kế duy nhất là ông Dương Văn X sẽ nhận.

Khối di sản của cụ bà H được hưởng thêm 01 (một) phần từ việc hưởng tài sản thừa kế từ cụ ông NN nên được tăng lên thành 4.989,75m^2 (có 124,3m^2 loại đất thổ cư, 1386,95m^2 loại đất trồng cây lâu năm, 3478,5m^2 loại đất lúa). Khi còn sống, cụ bà H có tặng cho ông Dương Văn X 1.342m^2 (loại đất lúa) và 240m^2 (loại đất trồng cây lâu năm); chuyển nhượng cho ông I 1.382m^2 (loại đất lúa), chuyển nhượng cho ông E 227m^2 (loại đất trồng cây lâu năm), chuyển nhượng cho ông TT 178m^2 (loại đất trồng cây lâu năm).Tất cả các giao dịch này đều có hợp đồng thể hiện ý chí của cụ bà và nhiều người làm chứng biết nên ghi nhận. Vì vậy, khối di sản của cụ bà H còn lại là 1.620,75m^2 (có 124,3m^2 loại đất thổ cư, 741,95 m^2 loại đất trồng cây lâu năm, 754,5m^2 loại đất lúa).

Những người thừa kế theo pháp luật của cụ bà H gồm bà U, ông Dương Văn K, ông Dương Văn Q (chết năm 2014), ông B, bà Dương Thị Mười Một được chia mỗi phần thừa kế là 324,15m^2 (có 24,9m^2 loại đất thổ cư, 148,4m^2 loại đất trồng cây lâu năm, 150,85m^2 loại đất lúa). Do bà U, ông B, bà Dương Thị Mười Một nhường quyền hưởng di sản cho bị đơn nên người thừa kế duy nhất là ông Dương Văn X sẽ nhận.

Từ những cơ sở trên thì chỉ còn 03 người được nhận chia tài sản thừa kế của cụ ông NN và cụ bà H là bà D với 554,3m^2 (có 13,8m^2 loại đất thổ cư, 154m^2 loại đất trồng cây lâu năm, 386,5m^2 loại đất lúa), ông Dương Văn K với 878,45m^2 (có 38,7m^2 loại đất thổ cư, 302,4m^2 loại đất trồng cây lâu năm, 923,85m^2 loại đất lúa), ông Dương Văn Q – người thừa kế là ông Dương Văn X với 4.068,1m^2 (có 168,6m^2 loại đất thổ cư, 1.363,6m^2 loại đất vườn, 2.535,9m^2 loại đất lúa).

Tuy nhiên, từ thực tế sử dụng đất của các đương sự để tính sự ổn định lâu dài cho người sử dụng đất nên không thực hiện việc chia hiện vật cho bà D. Ông Dương Văn X sẽ sử dụng đất phần chia thừa kế của bà Ba và phải hoàn lại giá trị quyền sử dụng đất cho bà Ba số tiền 61.270.000 đồng (sáu mươi mốt triệu hai trăm bảy mươi ngàn đồng). Đơn giá đất được tính theo đơn giá do Hội đồng định

giá tài sản trong tố tụng dân sự thực hiện, theo đó, loại đất thổ cư có giá là 300.000đ/m^2, loại đất trồng cây lâu năm có giá là 120.000đ/m^2, loại đất lúa có giá là 100.000đ/m^2.

Ông Dương Văn K đang sử dụng một phần thửa đất số 164, diện tích 983m^2 (loại đất lúa) nên tiếp tục sử dụng ổn định nhưng phải hoàn lại giá trị của quyền sử dụng đất chênh lệch (445,6m^2) so với quyền sử dụng đất được chia là 44.560.000 đồng cho ông Dương Văn X. Bên cạnh đó, ông Dương Văn X được sử dụng phần đất thổ cư và trồng cây lâu năm của ông Dương Văn K cũng phải hoàn lại giá trị của loại đất thổ cư là 11.600.000 đồng (38,7m^2) và hoàn lại giá trị loại đất trồng cây lâu năm là 36.280.000 đồng (302,4m^2). Khấu trừ qua lại thì ông Dương Văn X phải hoàn lại cho nguyên đơn ông Dương Văn K 3.330.000 đồng (ba triệu ba trăm ba mươi ngàn đồng) để được sử dụng phần tài sản thừa kế là loại đất thổ cư và loại đất trồng cây lâu năm.

Việc chia lại tài sản thừa kế có thay đổi so với cấp sơ thẩm nên yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn được chấp nhận.

[3.2] Xét yêu cầu kháng cáo của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn về việc yêu cầu được sử dụng trọn thửa 164:

Thửa đất 164 có tổng diện tích là 2.325m^2 (loại đất lúa) và được phân làm hai bờ tách biệt do nguyên đơn ông Dương Văn K đang canh tác trên diện tích 983m^2 và người thừa kế của bị đơn là ông Dương Văn X đang trực tiếp canh tác trên diện tích 1.342m^2 nên tiếp tục ổn định, không gây khó khăn cho người đang trực canh khi chia tài sản thừa kế. Vì vậy, yêu cầu kháng cáo của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn không được chấp nhận.

[3.3] Xét yêu cầu của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà D:

Khi những người con của cụ ông NN và cụ bà H cầm cố đất để vay 05 chỉ vàng 24K không có bàn bạc hay thông tin gì cho bà D biết nên bà Ba không có nghĩa vụ thực hiện việc liên đới trả nợ. Ông Dương Văn X là người thừa kế của bị đơn, nhận hết quyền chia tài sản thừa kế của vợ và con của ông Dương Ngọc N, bà U, ông B, bà Dương Thị Mười Một nên ông X sẽ là người thực hiện việc trả cho bà Nguyễn Thùy Trang 05 (năm) chỉ vàng 24K. Như vậy, yêu cầu kháng cáo của bà D có cơ sở chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên, cần sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2018/DSST ngày 13/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị không xet xét.

[5] Về án phí dân sự: người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên án:

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2018/DSST ngày 13/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Nguyên đơn ông Dương Văn K được quyền sử dụng phần đất có diện tích 983m^2, loại đất lúa, thuộc một phần thửa 164 – ngang giáp kinh thủy lợi 18,2m, kéo dài giáp thửa 134 là 52,4m.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn – ông Dương Văn X được quyền sử dụng phần đất có diện tích 4.622,4m^2 (có 182,4m^2 loại đất thổ cư, 1.517,6m^2 loại đất vườn, 2.922,4m^2 loại đất lúa) tại thửa đất 150B, 151, 162, một phần 164.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông B được quyền sử dụng phần đất có diện tích 588m^2, loại đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa 151A.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông I được quyền sử dụng phần đất có diện tích 1.382m^2, loại đất lúa, thuộc một phần thửa 163 – ngang giáp kinh thủy lợi 19,7m, kéo dài giáp thửa 135, 136 là 81,5m.

Những người thừa kế của ông E gồm vợ là bà Huỳnh Thị Để, các con là bà Nguyễn Thị J, bà Nguyễn Thị Hồng Gấm, bà Nguyễn Thị Cẩm Nhung, bà Nguyễn Thị Hồng Gấm được quyền sử dụng phần đất có diện tích 227m^2, loại đất trồng cây lâu năm thuộc thửa 150A.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông TT được quyền sử dụng phần đất có diện tích 178m^2, loại đất trồng cây lâu năm, thuộc một phần thửa 150.

Tất cả các quyền sử dụng đất được chia để thể hiện theo Hồ sơ trích đo địa chính số 776, 777, 778/10/VP.ĐKQSDĐ ngày 17/5/2010 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

Các đương sự liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án này.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn - ông Dương Văn X có trách nhiệm hoàn lại cho nguyên đơn ông Dương Văn K số tiền là 3.330.000 đồng (ba triệu ba trăm ba mươi ngàn đồng) và hoàn lại cho bà D số tiền là 61.270.000 đồng (sáu mươi mốt triệu hai trăm bảy mươi ngàn đồng). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn - ông Dương Văn X có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thùy Trang 05 (năm) chỉ vàng 24K.

Về chi phí đo đạc, định giá: ông Dương Văn K, ông Dương Văn X và bà D mỗi người phải chịu 2.200.000 đồng chi phí đo đạc, định giá; ông Dương Văn K đã đóng tạm ứng 9.000.000 đồng nên ông X, bà Ba mỗi người phải hoàn trả cho ông K 2.200.000 đồng, ông K nhận lại tại Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ số tiền 2.400.000 đồng.

Về án phí dân sự:

Miễn án phí dân sự cho nguyên đơn ông Dương Văn K, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà D, ông B.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn phải chịu số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) – có xét giảm theo đơn - án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm và được nhận lại 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai số 003512 ngày 19/6/2014 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

Nguyên đơn ông Dương Văn K được nhận lại số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 000928 ngày 25/5/2009 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông I, bà Huỳnh Thị Để, ông TT mỗi người được nhận lại tạm ứng án phí số tiền 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) theo các biên lai số 003509, 003510. 003511 cùng ngày 19/6/2014 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

Bản án này có hiệu lực thi hành ngay.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Q.BT;
- Lưu hồ sơ, lưu án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đã ký

Nguyễn Thị Thùy Trang